

UBND HUYỆN THỦ THỪA
TRƯỜNG MG LONG THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 90/TB-MGLT

Long Thuận, ngày 20 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm học
2024-2025

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Dự toán Ngân sách Nhà nước thực nhận năm 2024 là: 4.462.706.000 đồng, năm 2025 là: 3.414.564.000 đ.
- Học phí năm học 2024-2025: 82.186.500 đồng
- Các khoản thu khác từ người học:
 - +Tiền ăn: 30.000đồng/ trẻ/ ngày, tổng thu là: 572.190.000 đồng
 - + Tiền hỗ trợ dịch vụ bán trú: 312.000 đồng/ trẻ/ 1 tháng, tổng thu là: 232.513.000 đồng.
- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: Không
- Nguồn thu khác và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

b) Các khoản chi phân theo:

- Quyết toán chi từ nguồn NSNN cấp năm 2024, năm 2025 :
 - + Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, giáo viên nhân viên: 2.323.510.482 đồng
 - + Chi mua sắm tài sản cố định, sửa chữa nâng cấp CSVC và TSCĐ: 3.023.546.000 đồng
 - + Chi hoạt động thường xuyên: 199.641.448 đồng.
 - + Chi hỗ trợ tiền ăn trưa, chi phí học tập cho học sinh 3,4,5 tuổi: 5.190.000 đồng
- Chi hỗ trợ tiền dịch vụ bán trú:
 - + Chi thuê mướn cấp dưỡng: 101.164.346 đ
 - + Tiền hỗ trợ viên chức trực trưa, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú: 9.027.824 đ.
 - + Phụ phí cho hoạt động bán trú: 86.667.113 đ.
 - + Khấu hao tài sản: 900.000 đ.

- + Nộp thuế DVBT 2%: 4.650.260 đ
- + Hoàn trả tiền DVBT còn dư cuối năm cho PH: 30.103.459 đ
- Tổng chi: 232.513.000 đ
- Chi từ nguồn học phí năm học 2024-2025
- + Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, giáo viên nhân viên, giáo viên hợp đồng: 0 đồng
- + Chi hoạt động và mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất: 0 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

a. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024-2025

TT	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Thời gian thu theo tháng, học kỳ, năm; thu vào tháng nào trong năm
I	Nội dung các khoản thu theo quy định			
A	Học phí (thu theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND tỉnh Long An)	tháng		Thu theo học kỳ
1	Nhà trẻ	1 tháng		
2	Mầm	1 tháng	46.500đ	Thu theo học kỳ
3	Chồi	1 tháng	38.500đ	Thu theo học kỳ
4	Lá	Miễn học phí		
B	CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ DỊCH VỤ BÁN TRÚ			
TT	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Thời gian thu theo tháng, học kỳ, năm; thu vào tháng nào trong năm
1	Tiền ăn bán trú	Đồng/trẻ/ngày	30.000 đ	Thu theo tháng
2	Tiền hỗ trợ dịch vụ bán trú	Đồng/trẻ/tháng	312.000 đ	Thu theo tháng
	Trả tiền nhân viên cấp	Đồng/trẻ/tháng	122.000 đ	

	đưỡng phục vụ bán trú			
	Tiền hỗ trợ viên chức trực trưa, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú	Đồng/trẻ/tháng	10.000 đ	
	Phụ phí cho hoạt động bán trú	Đồng/trẻ/tháng	96.000 đ	
	Khấu hao tài sản	Đồng/trẻ/tháng	36.000 đ	
	Agribank	trẻ/1 năm	100.000	

b. Dự kiến các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2025-2026

TT	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu	Thời gian thu theo tháng, học kỳ, năm; thu vào tháng nào trong năm
I	Nội dung các khoản thu theo quy định			
1	Tiền ăn bán trú	Đồng/trẻ/ngày	30.000 đ	Thu theo tháng
2	Tiền hỗ trợ dịch vụ bán trú	Đồng/trẻ/tháng	312.000 đ	Thu theo tháng
	Trả tiền nhân viên cấp dưỡng phục vụ bán trú	Đồng/trẻ/tháng	122.000 đ	
	Tiền hỗ trợ viên chức trực trưa, nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú	Đồng/trẻ/tháng	10.000 đ	
	Phụ phí cho hoạt động bán trú	Đồng/trẻ/tháng	96.000 đ	
	Khấu hao tài sản	Đồng/trẻ/tháng	36.000 đ	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học.

TT	Chỉ tiêu	Tổng kinh phí	Kết quả thực hiện Kỳ I năm học 2024 - 2025 (từ tháng 9 đến tháng 12)		Kết quả thực hiện Kỳ II năm học 2024 - 2025 (từ tháng 1 đến tháng 5)	
			Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí
1	2	3=5+7+9	4	5	6	7
I	Miễn, giảm học phí	82.186.500	124	36.224.000	124	45.962.500
1	Miễn học phí	40.392.000	68	17.952.000	68	22.440.000
2	Giảm 50% học phí	41.794.500	56	18.272.000	56	23.522.500
II	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi	3.840.000	1	640.000	4	3.200.000
III	Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ 3,4,5 tuổi	1.350.000	1	600.000	1	750.000
	Tổng	87.376.500		37.464.000		49.912.500

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Thực hiện theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-

BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Tuyền